

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26-9-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thắng

Ông Vũ Văn Thôn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2024, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 800/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 852/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H, nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Duy Q, nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Duy Q tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Thành, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng năm 2013. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng càng về sau càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Là một người chồng, người cha nhưng anh Q luôn thiếu quan tâm, chăm sóc đối với vợ, con; thường xuyên đi nhậu, hát hò đến nửa đêm. Do đó, vợ chồng thường cãi vã nhau; kéo dài, tiếp tục sống với nhau chỉ làm khổ hai người. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng thực sự không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn, đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q. Chị và anh Q có 01 con chung là Nguyễn Duy A, sinh ngày 07-7-2013. Chị nhận nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng và tài sản chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Q đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, không giao nộp bản khai cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện: Cuộc sống hôn nhân của chị H và anh Q đã không còn hòa hợp, hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau. Chị H và anh Q có 01 con chung là Nguyễn Duy A, sinh ngày 07-7-2013. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H đã đưa cháu Duy A về nhà bố mẹ đẻ của chị H, sống ly thân anh Q. Cháu Duy A có nguyện vọng được ở cùng chị H. Chị H có điều kiện đảm bảo cho việc nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Q; giao cháu Duy A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, chị H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Nguyễn Duy Q, cư trú tại Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là chị Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Q vắng mặt tại phiên toà mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị H và anh Q tự nguyện kết hôn, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Thành năm 2013, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 19-02-2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Cuộc sống

chung của chị H và anh Q đã không còn hoà hợp, hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau. Từ lâu, chị H và anh Q đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không có trách nhiệm vợ chồng với nhau. Như vậy, chị H và anh Q đã không còn không thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị H và anh Q có 01 con chung là Nguyễn Duy A, sinh ngày 07-7-2013. Hiện nay, cháu Duy A đang sống ổn định cùng chị H và có nguyện vọng được ở cùng chị H. Chị H có điều kiện đảm bảo cho việc nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu Duy A, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Duy A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị H không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Duy Q.

2. Về con chung:

2.1 Giao cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2013 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (*mười tám*) tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007426 ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, chị Phạm Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Duy Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND xã Trường Thành, huyện An Lão;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Trọng Đạt